

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9 - NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 249/2026/HNGĐ-ST
Ngày 17-8-2026
V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con
chung giữa chị Trang và anh
Hương”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Xuân Thọ

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Ngọc Sơn

Ông Nguyễn Minh Khâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Minh Toàn - Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 9 - Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Hồng Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 - Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 112/2026/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2026 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 53/2026/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lưu Thị T, sinh ngày 02/9/1993; Căn cước công dân số: 036193005120 cấp ngày 01/3/2023; Nơi ĐKKHKT: Xóm H (nay là thôn T), xã N, tỉnh Ninh Bình; Nơi ở hiện nay: Đài Loan. (*vắng mặt*)

Người đại diện theo ủy quyền của chị Lưu Thị T: Chị Ngô Diệu T1 sinh ngày 17/6/1987; Căn cước công dân số: 027187005398 cấp ngày 20/4/2023; Địa chỉ: Tổ G, phường T, tỉnh Thái Nguyên. (*vắng mặt*)

Bị đơn: Anh Trần Văn H, sinh ngày 22/02/1987; Căn cước công dân số: 036087009630; Địa chỉ: Xóm H (nay là thôn T), xã N, tỉnh Ninh Bình. (*vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai, nguyên đơn chị Lưu Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu nhau, tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 13/12/2011 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Nam Định (nay là UBND xã N, tỉnh Ninh Bình). Sau khi kết hôn và có con đầu sinh năm 2012, vợ chồng chung sống hạnh phúc êm ấm. Đến năm 2018 khi sinh con thứ 2 xong cuộc sống vợ chồng khó khăn. Năm 2019, chị T sang Đài Loan làm việc. Thời gian đầu vợ chồng hay nói chuyện nhưng lâu dần chồng có những thay đổi và ít nói chuyện với nhau. Khoảng hai năm nay vợ chồng không gọi điện và nói chuyện. Đến giờ thì vợ chồng xác định không thể tiếp tục chung sống được nên chị làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 9 – Ninh Bình giải quyết cho chị được ly hôn theo quy định của pháp luật và để sớm ổn định cuộc sống và công việc.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Trần Thị Thúy H1, sinh ngày 21/7/2012 và cháu Trần Hải Y, sinh ngày 04/11/2018. Hiện nay, vợ chồng thỏa thuận chị T nuôi cháu Trần Hải Y, anh Trần Văn H nuôi cháu Trần Thị Thúy H1. Vợ chồng thỏa thuận không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận với nhau về tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung. Vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí ly hôn, chi phí tố tụng: Chị T tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn và chi phí tố tụng nên chị đề nghị Tòa án ghi nhận sự tự nguyện của chị.

Những đề nghị hoặc yêu cầu khác:

Ủy quyền: Vì lý do công việc bận rộn chị T tự nguyện uỷ quyền cho Ngô Diệu T1, sinh ngày: 17/06/1987, Căn cước công dân số: 027187005398 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 20/04/2023; Địa chỉ: Tổ G, phường T, Thành phố T, tỉnh Thái Nguyên (nay là phường T, Tỉnh Thái Nguyên) thay mặt chị T nộp đơn khởi kiện, bản tự khai này và các văn bản, tài liệu khác mà tôi giao nộp cho Tòa án; nhận các văn bản tố tụng (bao gồm cả Bản án/Quyết định) mà Tòa án tổng đạt cho chị. Ngày mà bà Ngô Diệu T1 nhận các văn bản mà Tòa án tổng đạt cũng chính là ngày mà chị T nhận được các văn bản đó.

Không hoà giải: Do mâu thuẫn hôn nhân đã trầm trọng, khoảng cách địa lý xa xôi, chị đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải theo tại bộ phận hòa giải - đối thoại theo Luật Hòa giải đối thoại. Chị từ chối lựa chọn hòa giải viên và từ chối hoà giải, chị đề nghị Tòa án nhanh chóng giải quyết yêu cầu ly hôn của chị theo quy định của pháp luật.

Xin vắng mặt: Vì điều kiện công việc bận rộn, khoảng cách địa lý xa xôi nên chị kính đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vụ án vắng mặt tại tất cả các buổi

làm việc ở Tòa án bao gồm các phiên toà, phiên hoà giải tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tất cả các buổi làm việc mà Tòa án triệu tập chị.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho bị đơn anh Trần Văn H nhận các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, anh H không đến Tòa án làm việc và cũng không gửi văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Lưu Thị T.

Quá trình thu thập tài liệu, chứng cứ tại địa phương, đại diện UBND xã N, tỉnh Ninh Bình cung cấp như sau: Chị Lưu Thị T, sinh năm 1993 và anh Trần Văn H, sinh năm 1987 có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Nam Định (nay là UBND xã N, tỉnh Ninh Bình) vào ngày 13/12/2011. Chị T và anh H có 02 con chung là Trần Thị Thúy H1, sinh ngày 21/7/2012 và cháu Trần Hải Y, sinh ngày 04/11/2018 đều có đăng ký khai sinh tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Nam Định (nay là UBND xã N, tỉnh Ninh Bình). Về mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh H thì chính quyền địa phương không nắm rõ do các đương sự không hoà giải tại cơ sở mà nộp đơn trực tiếp tại Tòa án theo quy định. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà, chị Lưu Thị T, chị Ngô Diệu T1 đề nghị xin vắng mặt, anh Trần Văn H vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Ninh Bình phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Lưu Thị T và anh Trần Văn H.

Về con chung chưa thành niên: Giao con chung là Trần Thị Thúy H1, sinh ngày 21/7/2012 cho anh Trần Văn H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; giao con chung là Trần Hải Y, sinh ngày 04/11/2018 cho chị Lưu Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Hai bên có mọi quyền, nghĩa vụ đối với các con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản và nghĩa vụ tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lưu Thị T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Quá trình giải quyết vụ án, chị Lưu Thị T, người đại diện theo uỷ quyền của chị T – chị Ngô Diệu T1 xin giải quyết vắng mặt; anh Trần Văn H là bị đơn được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh H vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Quan hệ vợ chồng giữa chị Lưu Thị T và anh Trần Văn H là quan hệ hôn nhân hợp pháp vì được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và được UBND xã T, huyện T, tỉnh Nam Định (nay là UBND xã N, tỉnh Ninh Bình) đăng ký kết hôn vào ngày 13/12/2011.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh H và qua xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh H là có thật, thời gian sống ly thân đã lâu, hai bên không có biện pháp, hành động nhằm hàn gắn tình cảm và mong muốn cuộc sống chung của vợ chồng tiếp tục tồn tại. Chị T đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và cho chị được ly hôn với anh H. Quá trình giải quyết vụ án, anh H không đến Tòa án làm việc, không gửi văn bản ý kiến của mình cho Tòa án, chứng tỏ bản thân anh H cũng không còn nguyện vọng mong muốn tiếp tục chung sống với chị T. Do đó, từ những phân tích trên, cần chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của chị T đối với anh H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] *Về con chung chưa thành niên*: Chị T và anh H có hai con chung là Trần Thị Thúy H1, sinh ngày 21/7/2012 và cháu Trần Hải Y, sinh ngày 04/11/2018. Hiện nay cháu Trần Thị Thúy H1 đang ở cùng nhà với ông bà nội, được ông bà nội hỗ trợ chăm sóc, cháu Trần Hải Y đang ở cùng nhà với ông bà ngoại, chị T đang làm việc ở nước ngoài nên ông bà ngoại có nguyện vọng là được hỗ trợ chị T trong việc chăm sóc cháu Y. Chị T hàng ngày vẫn gọi điện về cho ông bà và cháu Y, tháng nào cũng gửi tiền để nuôi dưỡng con cái, hiện nay ông bà đều đang ở nhà, có điều kiện chăm sóc các cháu. Xét điều kiện, hoàn cảnh thực tế, đề nghị

của các đương sự và nguyện vọng của các con chung chưa thành niên Hội đồng xét xử thấy: Cháu Trần Thị Thúy H1 hiện nay đang ở cùng nhà và có nguyện vọng ở với bố và ông bà nội; cháu Trần Hải Y hiện nay đang ở cùng nhà với ông bà ngoại, được sự chăm sóc của ông bà ngoại, chị T tháng nào cũng gửi tiền để nuôi dưỡng; cháu Y có nguyện vọng được ở với mẹ. Xét thấy, nguyện vọng của nguyên đơn là tự nguyện, căn cứ nguyện vọng của con chung chưa thành niên và để đảm bảo điều kiện phát triển cho các con chung chưa thành niên nên cần giao cháu H1 cho anh Trần Văn H, giao cháu Y cho chị Lưu Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và có mọi quyền, nghĩa vụ đối với các con chung mà không ai được cản trở.

[5] *Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản*: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Chị T phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[7] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147; khoản 1, khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Lưu Thị T và anh Trần Văn H.

2. Về con chung chưa thành niên: Giao con chung là Trần Thị Thúy H1, sinh ngày 21/7/2012 cho anh Trần Văn H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; giao con chung là Trần Hải Y, sinh ngày 04/11/2018 cho chị Lưu Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi con chung đủ 18 tuổi, có khả năng lao động tự lập. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và có mọi quyền, nghĩa vụ đối với các con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lưu Thị T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai số 3223 ngày 23 tháng 4 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình. Chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo các Điều 4, Điều 6 và Điều 7 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND + VKSND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 9 - Ninh Bình;
- THADS tỉnh Ninh Bình;
- UBND xã Ninh Cường, tỉnh Ninh Bình;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Xuân Thọ